

KẾT LUẬN

Tập tục- lễ hội và thời đại mới

Có thể thấy sự trình bày, khảo tả và luận bàn về phong tục, tập quán, lễ hội đất Quảng qua hàng trăm trang viết công phu nhưng vẫn chưa đủ, chưa giải quyết xong nhiều vấn đề cơ bản của thói quen xã hội lặp đi lặp lại lâu dần mà hình thành nên các tập tục trong văn hoá Quảng. Tập tục lễ hội trong đó lễ hội đất Quảng là nguồn tài nguyên văn hoá quý giá. Vấn đề là giữ gìn, phát huy và phát triển vốn văn hoá dân gian này thế nào trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển kinh tế Quảng Nam – Đà Nẵng bền vững là yêu cầu và đây cũng là thách thức trong tổ chức, quản lý lễ tục, lễ hội hiện nay.

Tập tục, lễ hội gắn liền với đời sống thường ngày của người dân, thường thể hiện những sinh hoạt văn hoá làm cho con người cảm thấy hạnh phúc, bằng lòng, bởi họ đã gửi vào tập tục, lễ hội những tin yêu, hy vọng cao cả đầy tinh thần nhân đạo, và qua phong tục, tập quán, lễ hội sẽ làm cho con người hạnh phúc, tránh đi sự ngăn cách, sự khác biệt trong gia đình, dòng họ và cộng đồng. Đây là hiện tượng văn hoá đáng mừng, đáp ứng được nhu cầu của không chỉ người dân ở nông thôn mà cả đô thị trên các phương diện: là nhu cầu tâm thức trở về nguồn, tinh thần cố kết cộng đồng, cân bằng đời sống tâm linh, thoả mãn nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hoá lễ hội, góp phần

vào việc bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc nói chung và đất Quảng nói riêng. Những lễ hội lớn như Hội xả trái lòn bon, hội vây bắt cọp, lễ hội Bà Thu Bồn, lễ hội Long Chu, lễ hội Phong Lệ mục đồng – Giáng Đông đấu vật, lễ hội khao lễ thế lính Hoàng Sa, lễ hội hiến sinh trâu, hội cầu mùa...đều có nội dung đề cao cuộc sống hạnh phúc của người dân đất Quảng, cho dù hình thức lễ nghi có khác, song tựu trung cũng nhắm đến sự suy tôn các lực lượng siêu nhiên, thần linh để cầu lấy sự bình an.

Tục lệ thờ cúng ông bà tổ tiên nhân ngày giỗ, chạp, ngày Tết, ngày Vu Lan xá tội vong nhân, con cháu nhớ ơn ông bà cha mẹ, theo đó vun đắp tình cảm gia đình thêm thắm thiết đều có ý nghĩa đề cao văn hoá thông qua phong tục, tập quán, lễ hội. Lễ hội đất Quảng là một sinh hoạt văn hoá tinh thần độc đáo, thể hiện bản sắc văn hoá vùng miền ngay khi mở đất về phương Nam đã giao thoa với các thành tố bản địa, hình thành nên nét riêng trong phong tục, tập quán của những lưu dân trụ bám khai phá đất đai. Từ đó tập tục, lễ hội dần được hình thành, giữ gìn, phát huy, phát triển, các loại lễ hội đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong cộng đồng các dân tộc đất Quảng nên lễ hội có sức hấp dẫn, lôi kéo người dân tham gia và đương nhiên trở thành một sinh hoạt lặp đi lặp lại theo chu kỳ sản xuất và vòng đời con người không thể thiếu trong sinh hoạt tinh thần và sự tồn tại của cộng đồng.

Từ miền núi, đến đồng bằng ra hải đảo, mỗi tộc người trên đất Quảng với phong tục, tập quán và điều kiện đặc

trung riêng có những hình thức tổ chức phong phú, đa dạng về nội dung và loại hình cho thực hành lễ hội. Đất Quảng rất phong phú các loại hình lễ hội, có lễ hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, lễ hội miền biển, lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo, hội làng, hội trong gia tộc và các loại hình lễ hội miền núi đều phong phú và đa dạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, lễ hội truyền thống tại đất Quảng lắng lại trong ký ức của các tầng lớp nhân dân mà tập trung nhân tài vật lực cho đánh giặc giữ làng, giữ nước. Và tất nhiên trong điều kiện ác liệt của chiến tranh, các thiết chế văn hoá, di tích lịch sử như đình, chùa, miếu mạo, các phương tiện khác có vai trò quyết định cho các loại lễ hội đã bị tiêu huỷ ít nhiều trở nên *huong tàn khói lạnh*, hoặc biến thành *đồng không mông quạnh*, có nơi đã biến thành nhà kho, trường học, nơi cột giữ trâu bò. Chính đó, đã mất đi môi trường của lễ hội, không còn điều kiện cho lễ hội phát triển. Tuy thế, trong ký ức các tầng lớp nhân dân đất Quảng, lễ hội vẫn còn tồn tại trong tâm tưởng.

Ngay khi đất nước đổi mới, kinh tế xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực, tác động đến các hoạt động văn hoá tại các làng, bản trong đó có phong tục, tập quán và lễ hội, cuộc sống người dân đã ổn định và ngày càng được nâng cao, những tập tục cũ lạc hậu được xem lại và đánh giá tính thực tiễn các thành tố, đâu là lạc hậu và đâu vẫn còn được duy trì trong cộng đồng đất Quảng. Có thể thấy các yếu tố ảnh hưởng tư tưởng ngoại lai như các hình thức phù thủy, coi bói, xem quẻ,...(kiểu hình thức xem vật đoán việc) dần

được loại ra ngoài bảng giá trị văn hoá chung của cộng đồng. Quan niệm về các hiện tượng ma bắt, ma dẫn, ma xô...quỷ ám, quỷ láng...không còn đóng vai trò chi phối cuộc sống thường ngày của người dân nữa. Các thành tố tiếp biến từ văn hoá Chăm Pa trong các lễ hội cầu ngư...đã lần lần được Việt hoá, biến các thành tố ấy trở thành cái chung của cộng đồng, khó phân biệt. Trong sinh hoạt nông nghiệp, những tập tục lạc hậu mang nhiều yếu tố dị đoan đã không còn được duy trì như kiêng bắt mọng vào ngày tý, kiêng hay không vào giờ tý, ngày tý, tháng tý, đong lúa, cho vay...được người dân nhận thức lại và dần loại ra khỏi sinh hoạt trong sản xuất nông nghiệp. Những kiêng cử trong tập tục sinh đẻ cũng được người dân nhận thức đúng hơn, không còn thực hiện các thành tố mang yếu tố dị đoan nữa. Trong tập tục làm nhà không còn xem hướng, chọn đất phiền phức như trước kia, do phần lớn được đô thị hoá, xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang lại các khu dân cư, phù hợp với sự phát triển công nghiệp nên việc chọn hướng đã không còn tuyệt đối như ngày trước nữa.

Từ khi có nghị quyết Trung ương V (Khoá VIII) về xây dựng nền văn hoá Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, với sức sống dẻo dai của tập tục, lễ hội, đã bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Đây là hiện tượng xã hội, khi lễ hội từ ký ức trôi dạt, liền sau đó các làng quê đất Quảng đã nổi lên một sinh khí mới, không chỉ lễ hội với người dân trong vùng, miền mà lễ hội còn với nhân dân khắp mọi miền đất nước, với các dân tộc anh em trên thế giới cũng đến tham

gia dự hội ¹. Làng quê đất Quảng từ đó rộn lên một sinh hoạt mang yếu tố mới, thu hút đông đảo người dân tham gia. Nhiều lễ hội đã bị mai một hoặc đã bị thất truyền, thì nay đang từng bước được phục hồi: lễ hội cầu ngư miền biển ở xã Tam Thăng, ở Hội An, ở phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, phường Thọ Quang; lễ hội đua ghe tại thành phố Đà Nẵng, tại huyện Đại Lộc, tại phường Hoà Hiệp quận Liên Chiểu; lễ hội bà Thu Bồn, bà Phường Chèo...; lễ hội xả tải lòn bon ở Đại Lộc, lễ hội vây bắt cạp ở Tiên Phước; lễ hội đình làng có khắp nơi trên đất Quảng; lễ hội đâm trâu của các dân tộc Cơ tu, Co, Ve... miền núi. Và mới đây, bước đầu phục hồi lễ hội Phong Lệ Mục đồng, Giáng Đông đầu vật... và nhiều lễ hội khác đã được người dân đất Quảng tái hiện lại gắn liền với đời sống cộng đồng, lễ hội gắn với tôn giáo được tổ chức thành công, không chỉ là ngày lễ của các tín đồ mà còn thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của một bộ phận nhân dân địa phương. Tiêu biểu là lễ hội Quán Thế âm có quy mô tổ chức lớn, trang trọng, công phu, hằng năm thu hút hàng ngàn người dân mộ đạo và trên trăm tăng ni từ nước ngoài về dự. Nhiều lễ hội của các dân tộc thiểu số miền Tây đất Quảng được tổ chức phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của người dân miền núi, với các nghi thức cổ truyền, các trò chơi dân gian được phục hồi trong lễ hội đâm trâu, mừng lúa mới, lễ hội cúng

¹ Hội *Đêm phở cổ* ở Hội An vào 14 âm lịch hàng tháng; hội *Bắn pháo hoa quốc tế* tại Đà Nẵng nhân 29.3; hội *Đua ghe* trên sông Hàn, Thu Bồn, Cu Đê... thu hút đông đảo khách trong và ngoài nước tham gia, cổ vũ...

bên nước...đã được tổ chức thành công. Thế nhưng cũng có thể thấy rằng một số lễ hội có quy mô lớn chưa mang lại hiệu quả là động lực cho sự phát triển kinh tế Quảng Nam, Đà Nẵng trong đó một phần do hạ tầng cho lễ hội phát triển không kịp, còn chậm, vốn tri thức văn hoá dân gian và vai trò của nhân dân phát huy chưa đủ mạnh.

Mặt khác, theo quá trình phát triển của cuộc sống, người dân đất Quảng đã tạo ra nhiều lễ hội mới phù hợp với thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vừa nối tiếp lễ hội cổ truyền với các thành tố đương truyền nhằm làm phong phú đời sống tinh thần không chỉ cho người dân đất Quảng, cho các vùng miền khác mà còn cho các dân tộc anh em trên thế giới tìm đến giao lưu, thưởng thức. Một số lễ hội mới mang màu sắc hiện đại được khai sinh như lễ hội *Đêm phố cổ* vào đêm 14 âm lịch hàng tháng tại Thị xã Hội An; lễ hội *Bà chúa tà tang* tại xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên vào trung tuần tháng 3 âm lịch hàng năm; lễ hội *Thanh minh* tại Điện Bàn, *lễ hội Bà Nà* vào tháng 6 – mùa hè; lễ hội *âm thực vào thu*, lễ hội *văn hoá biển* vào tháng 6 hàng năm, lễ hội *bắn pháo hoa quốc tế* đã diễn ra trên sông Hàn, thành phố Đà Nẵng vào tháng 3 hàng năm (năm 2008 diễn ra trong hai đêm 27 và 28.3.2008 thu hút 10.000 lượt người đến tham dự)...Các lễ hội mới hình thành này dần được khẳng định, có sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân, trong và ngoài tỉnh, trở thành nếp sinh hoạt mới trong cộng đồng mang nhiều vẻ sinh động, thích ứng với điều kiện kinh tế, vừa thể hiện nét đẹp

cổ truyền; đồng thời có các yếu tố đương truyền, phù hợp với cuộc sống đương đại của người Quảng sẽ trở thành truyền thống của người dân vùng đất chưa mưa ìa thấm. Và đó chính là những sáng tạo mới, mang bản sắc văn hoá lễ hội riêng trong đời sống tinh thần của người dân.

Trong hệ thống các lễ hội có trên đất Quảng xưa nay, có lễ hội gắn liền với các di tích như lễ hội Nghĩa trũng Khuê Trung (trước là Hoà Vinh) gắn với di tích lịch sử - văn hoá; lễ hội Quán Thế Âm gắn với tín ngưỡng tôn giáo; lễ hội Bà chúa tầm tang gắn liền với nghề trồng dâu, nuôi tầm, ươm tơ, dệt lụa, tổ nghề dệt Võ Dẩn và với nhà thờ tộc Đoàn tại Duy Trinh, Duy Xuyên, lễ hội gắn với hoạt động sông nước như lễ hội đua ghe, cầu ngư... và hệ thống các lễ hội gắn liền với hoạt động nông nghiệp, trong đó lễ hội gắn với hoạt động nông nghiệp chiếm tỉ lệ lớn hơn. Có thể nói, đây là những lễ hội đầy sáng tạo của văn hoá đất Quảng. Ngoài những lễ hội mới còn có những lễ hội gắn liền với lễ hội kỷ niệm các danh nhân, anh hùng, lễ hội công nhận di tích văn hoá, lịch sử như lễ hội đình làng, nghĩa trũng, đền tháp...

Thời gian gần đây, các tộc họ tại Quảng Nam tổ chức trùng tu hoặc xây dựng mới nhà thờ tộc và chi phái tộc, mặt khác các làng cũng huy động nhân dân tôn tạo lại các thiết chế văn hoá cổ truyền như đình, miếu, chông xuống cấp, phát huy tác dụng của các di tích hiện có. Do có các di tích cho nên lễ hội bắt đầu phát triển, gắn liền với yếu tố tín ngưỡng mà các di tích đình, chùa, miếu là nơi thờ phụng,

tưởng niệm những nhân thần có công với dân, với nước, hoặc là thờ các thiên thần được người dân tin rằng thần thường hay giúp đỡ dân làng an lạc, là nơi tổ chức các hình thức lễ tế thần linh hàng năm cầu quốc thái dân an, phong thuận vô điều, làng xóm phồn vinh. Thông qua lễ hội người dân đất Quảng thoả mãn với khát vọng tâm linh, từ đó tiếp thêm sức mạnh tinh thần, lòng tin, tạo nên và duy trì niềm say mê lao động, học tập, làm ăn buôn bán, cống hiến, sống đẹp hơn, tốt hơn trong cộng đồng, dòng tộc và với mỗi gia đình. Mặt khác, có thể thấy tại Quảng Nam, các di tích đã trở thành nơi thờ phụng những con người kiệt xuất của dòng họ như nhà thờ An Hải thờ Thoại Ngọc hầu Nguyễn Văn Thoại, nhà thờ họ Thái thờ vị anh hùng dân tộc Thái Phiên, nhà thờ họ Ông thờ Tiểu tướng Ông Ích Khiêm... đã trở thành nơi hội tụ của con cháu trong dòng tộc, bày tỏ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm, vốn in sâu trong ký ức mỗi người.

Tại đất Quảng, đang từng bước khôi phục các lễ hội, chú trọng khai thác các thành tố tích cực phù hợp với cuộc sống đương đại nhằm bảo tồn văn hoá lễ hội, mặt khác khai thác cũng nhằm giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân dân thông qua hoạt động lễ hội cổ truyền, các hoạt động tưởng nhớ các danh nhân có công với đất nước và với đất Quảng.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương V (Khoá VIII) về “*xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*”, nay đất Quảng có trên dưới

30 lễ hội truyền thống lớn nhỏ và đang hình thành một số lễ hội mới phù hợp. Trong những năm qua việc khôi phục các lễ hội trên đất Quảng được phát huy, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia, tuy nhiên bên cạnh mặt tích cực vẫn còn không ít hạn chế như chú trọng phần lễ nhiều hơn hội, trong phần hội trùng lặp, lại chưa phong phú, hấp dẫn lôi cuốn nhân dân tham gia đông đảo. Một bộ phận lệch lạc khi khai thác mê tín, dị đoan, bốc thăm, bói toán, phù phép, chữa bệnh, cờ bạc... đã làm cho không ít lễ hội mất đi vẻ đẹp, vẻ trong sáng của lễ hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, làm mất đi tính thiêng liêng của lễ hội. Tuy thế, vẫn thấy được rằng thông qua lễ hội tại đất Quảng, những phong tục, tập quán mới được nảy sinh, các trò chơi dân gian được dàn dựng, phục hồi như: hô bài chòi, đua thuyền, rước cộ, viết thư pháp, đánh cờ người, thi nấu cơm, đập niêu, cắm hoa, hát hò khoan đối đáp trên sông, thi lắc thúng rái, trích đoạn các vở tuồng cổ... đang có dấu hiệu phục hồi trở lại, thu hút đông đảo thanh niên tham gia, tạo nền tảng vững chắc cho việc duy trì bản sắc văn hoá vùng, tạo sức đề kháng các hình thức và yếu tố văn hoá ngoại lai du nhập từ ngoài vào. Các hoạt động văn hoá thể thao gắn liền với lễ hội như chạy việt dã truyền thống, thi văn nghệ, thi gói bánh tét, bánh chưng, thi nói vè, lắc thúng rái, nhảy bao bố, đẩy cây, thi các bộ môn thể thao: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, đá gà, ...kèm theo lễ hội đình làng đã góp phần tạo nên gương mặt chung của lễ hội đất Quảng rất phong phú, đa dạng, mới mẻ, hấp dẫn và nhiều sáng tạo,

thu hút được các tầng lớp nhân dân không chỉ trong mà còn ngoài tỉnh đến tham gia.

Tại đất Quảng, đang dần khôi phục lại các lễ hội, song nếu chọn lọc, gạn đục khơi trong, bỏ ra ngoài lễ hội các hủ tục: xem quẻ, bốc thăm, bói toán... mang tính mê tín, dị đoan thì trong lễ hội sẽ tìm thấy sự thoả mãn về tâm linh, người dân được tham dự các trò chơi dân gian, văn nghệ, các hoạt động thể thao, không những thế mà còn gặp gỡ giao lưu, người dự lễ hội vừa sống lại quá khứ hào hùng của làng xóm, vừa thấy được sự quan tâm của xã hội đối với hoạt động lễ hội. Mặt khác, qua lễ hội con người sẽ sống đẹp hơn trong mối quan hệ láng giềng, làng xóm và cả trong tộc họ nữa. Khôi phục lễ hội trong cộng đồng, dòng họ là tạo điều kiện cho nhân dân giữ gìn các di tích đình làng, miếu xóm, trân trọng những kiến trúc mà trước kia các tiền nhân đã dày công để lại; tạo điều kiện cho nhân dân có ý thức chăm lo tu bổ, trùng tu, nhằm xã hội hoá công tác lễ hội hàng năm trên tinh thần luật Di sản Văn hoá và tham gia sửa sang các di tích, chống xuống cấp các công trình, góp phần tạo động lực cho sự phát triển kinh tế phù hợp với mỗi địa phương.

Tuy nhiên việc khôi phục sau một thời gian dài không tránh được những lệch lạc, cần điều chỉnh khắc phục làm cho lễ hội có điều kiện phát triển phù hợp với thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trước hết cần tránh xu hướng đơn điệu hoá lễ hội, bởi văn hoá nói chung và lễ hội nói riêng bản chất của tập tục, lễ hội luôn có yếu tố tâm

linh, nên cần đa dạng các hoạt động cho hội. Cùng là lễ hạ điền nhưng mỗi nơi có cách tổ chức hành lễ và vui chơi khác nhau theo kiểu *lễ làng* hoặc *chiêng làng nào làng nấy đánh...* Theo đó, có thể thấy mỗi tập tục, lễ hội đều có hồn phách, sắc thái riêng, và chính yếu tố riêng này kéo được nhân dân thập phương đến với lễ hội làng, mới có cái để vui chơi, trải hội. Do khôi phục nhanh, lại thêm làng nào cũng làm lễ hội nên dễ sa vào nhất thể hoá lễ hội, khi diễn trình lễ hội trở nên đơn điệu trước mắt nhân dân và khách thập phương. Lễ hội do đó mà vắng khách. Lễ hội đình làng na ná yếu tố gì đó giống nhau mà không cần đến dự hội cũng biết được các thành tố trong lễ hội diễn ra, nghĩa là không có thành tố riêng tạo nên bản sắc riêng cho mỗi làng. Tính đặc trưng như thế đã mất. Chính đó, khi tiến hành làm lễ hội nên lục lọi, tìm tòi những cái riêng có của mỗi làng để giữ gìn, phát huy, phát triển nét riêng biệt so với làng khác. Không chỉ trong các thành tố về lễ, hội mà tìm tòi đặc trưng trong ẩm thực, các hoạt động của làng. Đến với hội đình làng Đà Sơn ngoài câu ca dao đã quen đọc xưa nay:

Chiều chiều nghe trống Đà Sơn,

Nghi chuông Trà Kiệu, nghe đờn Phú Bông.

còn gặp ở đây nét riêng của ẩm thực các loại bánh như *trôi nôi*, bánh *tu huyết*. Chính đặc điểm này thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân đến tham gia, tìm hiểu và thưởng thức. Từ nhiều nét riêng như thế sẽ làm cho lễ hội một địa phương, vùng miền trở nên phong phú, đa dạng và hấp dẫn.

Mặt khác, lễ hội luôn gắn với đời sống tâm linh, mang tín ngưỡng dân gian, lễ hội luôn mang tính thiêng liêng do gắn liền với đối tượng suy tôn là các vị thiên thần, giàng hoặc nhân thần, cho nên người dân đến với lễ hội trước hết là đến để “giao lưu”, “gặp gỡ” cùng với lực lượng siêu nhiên này nhằm thoả mãn nguyện vọng của mình. Đến với mỗi lễ hội, điều dễ nhận biết là mang tính thiêng liêng mà đã thiêng luôn là sự vĩnh hằng trong tâm thức nhân dân và yếu tố thiêng luôn có các dạng thức biểu hiện khác nhau. Do nhu cầu tâm linh, lễ hội cổ truyền tự nảy mầm, bén rễ vào ngay trong đời sống hiện thực và thăng hoa ngay trong cuộc sống hiện thực đó. Những biểu tượng trong các thành tố của lễ hội chính là ngôn ngữ biểu hiện tính thiêng của lễ hội và qua những biểu tượng đó, tín ngưỡng cũng sẽ có cơ sở để được duy trì. *Tiết gà, trâu, dê, heo, rượu...lời khấn, cây nêu, chiêng, trống...* trong lễ hội ăn trâu chính là các biểu tượng của lễ hội, là đặc điểm của vật thiêng, tính thiêng. Việc phục hồi lễ hội cần hiểu được các biểu tượng cấu thành nên yếu tố thiêng liêng của người xưa trong lễ hội cổ truyền để tránh đơn giản hoá, hoặc đôi khi trần trụi hoá lễ hội thì tinh thần thăng hoa từ cuộc sống hiện thực cũng không còn cơ sở để phát triển.

Do có thể làm đơn giản hoá lễ hội cổ truyền nên làng nào cũng có lễ hội, cả những làng mới thành lập vẫn tổ chức được lễ hội mà bỏ qua yếu tố lễ hội từ nhân dân, chính nhân dân nói lên khát vọng tâm linh, thoả mãn nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của mình chứ không thể xuất phát từ

lực lượng nào khác. Chính đó, nhân dân thường bỏ tiền của, công sức ra để tổ chức lễ hội, sáng tạo và duy trì. Đó chính là khát vọng dân gian, dân chủ, lễ hội từ nhân dân do đó không vì sự đổi mới mà tạo ra xu hướng quan phương hoá lễ hội, rập theo một mô hình có sẵn giống nhau giữa các làng, lễ hội làm cho tính chủ động, sáng tạo của nhân dân bị suy giảm, đôi khi người dân bị gạt ra khỏi lễ hội cổ truyền của họ, vì họ. Vì thế cần phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong tổ chức lễ hội, khai thác và phát huy vốn văn hoá dân gian truyền thống của địa phương làm cho lễ hội phong phú, hấp dẫn. Trong tổ chức lễ hội vừa có yếu tố cổ truyền đồng thời có yếu tố đương truyền nhằm phát huy tính sáng tạo để duy trì lễ hội phù hợp.

Trong khôi phục các lễ hội, việc tổ chức quản lý lễ hội cơ bản đã đáp ứng được tinh thần và quan điểm thực hiện về mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Có thể thấy trình độ tổ chức và quản lý lễ hội được nâng lên nhất là tại các làng, bản, thôn, phần hội được chú trọng nhiều hơn góp phần chấn hưng văn hoá, phù hợp với thuần phong mỹ tục và sự phát triển kinh tế địa phương.

Từ sự phục hồi lễ hội trên dưới 20 năm trở lại đây, đã cho thấy sự biến đổi trong lễ hội, không chỉ miền trung châu, miền biển mà cả với miền núi các lễ hội mang yếu tố nương rẫy trong nông nghiệp và lễ hội theo một vòng đời người cũng đã có sự biến đổi. Trong phong tục, tập quán, lễ hội mang tính chất nông nghiệp, nhiều lễ hội có tại đất

Quảng mai một dần, đôi khi bị thất truyền cả trong ký ức của những người già. Lễ hội Phong Lệ Mục đồng, Giáng Đông đầu vật chẳng những bị biến đổi mà nay đã hoàn toàn thất truyền trong cộng đồng làng xã Phong Lệ xưa; lễ hạ điền, thượng điền nay không phải làng nào trên đất Quảng vẫn còn duy trì được... Hoặc hội vây bắt cộp tại Tiên Phước, Hội xả trái lòn bon ở Đại Lộc... tục hái lộc đầu năm... đã không còn được tổ chức nữa, nghĩa là đã có sự biến đổi từ biểu tượng này sang biểu tượng khác đơn giản, phù hợp với cuộc sống đương đại hơn. Trong sự biến đổi như vậy, yếu tố sáng tạo có vai trò phát huy và duy trì tập tục, lễ hội làm cho tập tục, lễ hội tương thích với thành tựu khoa học công nghệ mà nhân dân đang áp dụng nhằm làm thay đổi cuộc sống với các tập tục, lễ hội theo chu kỳ nương rẫy, một vòng đời người theo hướng hiện đại hơn.

Có thể thấy sự biến đổi tập tục, lễ hội biểu hiện ở các mặt:

Về mặt thời gian của tập tục, lễ hội, nhiều lễ hội cổ truyền có mặt tại đất Quảng đã có sự thay đổi về thời gian. Điều này do cuộc sống đương đại tác động vào các yếu tố tâm linh, làm cho quan niệm về các lực lượng siêu nhiên không còn can thiệp nhiều vào đời sống của nhân dân nên họ đã thay đổi thời gian cho phù hợp, tùy thuộc vào điều kiện làm ăn, sinh sống. Ví dụ lễ cúng đất (tá thổ, khao thổ), trước đây vào tiết tháng 3 âm lịch, người dân đất Quảng mới tiến hành lễ tiết, nhưng nay, một bộ phận người dân cúng đất ngay trong buổi lễ tát niên tiền đưa năm cũ, hoặc

một bộ phận người dân đã không còn tập tục cúng đất nữa. Nghĩa là về mặt thời gian đã có sự biến đổi căn bản và đôi khi trong một bộ phận nhân dân không còn duy trì tập tục này nữa. Hoặc lễ đơm lễ trong tập tục sinh đẻ, phần đông người dân đất Quảng không thực hiện lễ này, hay trong lễ thôi nôi người Quảng không còn thực hiện việc đặt các dụng cụ như sách vở, kéo, chén bát, kẹo, bánh... để tin rằng trẻ nắm vật dụng nào đầu tiên, xem như về sau có khả năng hành nghề với các dụng cụ, vật đó. Có thể người Quảng xưa kia xem vật đoán việc để bắt đầu hình thành nhân cách cho trẻ ngay từ thuở thôi nôi, nay họ đã không thực hiện nữa, thế nhưng cuộc sống vẫn cứ tiến lên không bị tập tục cũ ràng buộc. Người Xơ đặng khai tâm cho con trẻ vào ngày thứ ba sau khi sinh ra, người Kinh có cách khai tâm khi trẻ em lên 6,7 tuổi nhưng nay đã không thực hiện nhất thiết vào thời gian như vậy nữa, vẫn không sao, vẫn học tập, vẫn thành nhân, thành danh. Người dân đã tổ chức khai tâm theo hướng giản tiện có sự chi phối của kiến thức khoa học công nghệ vào cuộc sống đương đại... Thời gian thọ tang của con trai, dâu hoặc cháu đích tôn trước kia đúng 36 tháng, thì nay chỉ thọ tang 24 tháng là có thể xem là mãn tang được rồi... Như vậy có thể thấy về mặt thời gian, tập tục, lễ hội đất Quảng có sự biến đổi căn bản.

Hoặc sự biến đổi trong lời khấn cúng thần linh, trước đây trong lễ hội đâm trâu – hiến tế sinh trâu người Cơ tu có thành tố khóc kể, người khóc ngồi chống cằm quanh con trâu hiến tế khóc kể, lời than ai oán, trách trời, trách đất,

thương cho thân phận nhỏ nhoi của mình, làm ăn quanh năm *đầu tắt mặt tối* mà vẫn không đủ cơm, đủ áo...khóc kể trong tiếng trống điểm nhịp 1 – 2 – 1 âm âm ngân dài trong đêm vắng, ai oán thấu đến thần linh. Nay đã biến đổi, đôi khi không còn thành tố khóc kể nữa. Lời khấn tế giàng của đồng bào dân tộc miền núi Cơ tu xưa kia được giàng làng – chủ tế – đọc lên theo nhịp giống như lời hát than, hoặc mừng vui vậy, nhưng nay đã bỏ dần tục cũ, chỉ còn khấn gọn đôi điều là được. Giàng công chiêng trước kia chỉ khởi lên để cúng giàng, thần linh, xong việc là cất đặt đầu đày, quý trọng bởi là vật thiêng và tính thiêng của nó, nhưng nay công chiêng có thể mang ra đánh để vui chơi, múa hát nhảy các điệu da dă, t’tung t’tung vẫn không sao. Lời khấn trong đám tang của bộ phận người Quảng theo đạo Phật khác với lời khấn của người Quảng theo đạo Thiên Chúa và khác so với người Quảng ảnh hưởng đạo Nho, hoặc bộ phận dân Lương...

Về mặt không gian có thể thấy sự biến đổi các thành tố trong tập tục, lễ hội đất Quảng: chẳng hạn lễ nhập trạch trong tập tục làm nhà người Quảng dưới chân đèo Hải Vân tiến hành các bước khác với người Quảng tại Núi Thành, hay các nghi lễ nhập trạch tại miền sơn cước, miền biển khác với nghi lễ miền trung châu. Ngày nay càng khác giữa thôn quê và thành thị. Có thể do thổ nghi, cũng có thể do sự quy định của làng nên lệ có sự biến đổi mỗi nơi mỗi khác cho phù hợp. Hoặc lễ hiến sinh trâu người miền núi có sự khác nhau vài thành tố giữa Cơ tu dal và Cơ tu đông,

giữa Cơ tu Thừa Thiên - Huế và Cơ tu Nam Giang, tỉnh Quảng Nam với Cơ tu Hoà Bắc, Hoà Phú thành phố Đà Nẵng.

Sự biến đổi lễ vật cúng thần linh, giàng cũng dễ nhận thấy tại các lễ hội vùng đồng bằng, miền biển và miền núi. Trước đây, lễ vật dâng tế hiến sinh cúng thần linh phải là những thứ được cho là tinh khiết, thanh sạch nhất, giá trị nhất và địa phương nhất, có như vậy mới biểu hiện sự kính trọng thần, giàng. Nhưng ngày nay việc này không còn linh thiêng nữa, bởi giá trị các lễ vật đã được thay đổi, hệ giá trị của vật lễ thay đổi đã ảnh hưởng vào tập tục, lễ hội làm biến đổi ít nhiều các thành tố trong lễ hội cổ truyền. Lễ hội ngày nay người ta dâng lên cho thần, giàng không chỉ rượu trắng, rượu t'vạc, rượu tr'đin mà có cả rượu ngoại nhập từ nước ngoài về, tỉnh khác đến, rượu đóng chai bán sẵn và cả các loại bia lon, bia chai... cũng được dùng làm lễ vật hiến thần. Trong lễ tang ma, giỗ kỵ đã thấy xuất hiện vàng mã đồng bạc đô-la bên cạnh những tờ vàng mã cổ truyền, lại có thêm các loại ti vi, tủ lạnh, xe gắn máy... “gởi” cho người đã khuất nữa. Đối với việc sắm sanh, dụng lễ vật cúng cũng có sự biến đổi khác trước, trong các lễ hội người miền núi đất Quảng, các món ăn cổ truyền chiếm tỉ lệ thấp, thay vào đó là các món ăn chế biến như người miền xuôi, còn người miền xuôi trong lễ hội lại chế biến các món ăn theo kiểu phương Tây, các món ăn cổ truyền như xào trộn, kho, mì Quảng, lòng thả..., các loại bánh cổ truyền đã vắng mặt từ lâu; trong tục tá thổ với con cua, dái mít, củ khoai,

rau luộc, cháo trắng...và bù-đài-xà-lét đã không còn thấy trên mâm khao thổ của người Quảng. Có thể thấy, trên các bàn soạn lễ vật cúng thần, các sản phẩm thổ nghi địa phương chiếm tỉ lệ thấp trong lễ hội và cả vào các ngày việc làng, việc phố, việc tộc, việc nhà.

Trang phục trong lễ hội cộng đồng cũng khác trước, đã có sự biến đổi cho phù hợp với cuộc sống đương đại, điều này là không thể thay đổi. Đối với người miền núi phía Tây đất Quảng trong lễ hội cổ truyền của cộng đồng ngày càng thưa dần người đàn ông quần khổ, phụ nữ quần xà lùng, váy như trước đây trong lễ hội cổ truyền. Vải *dồ*, vải *tút* được dệt công phu nổi lên những trang trí hoa văn của mỗi tộc người, nay đã thưa vắng dần trong lễ hội. Thay vào đó, y phục được sử dụng bằng những bộ áo quần may sẵn bán tại chợ, hoa văn của người miền xuôi hoặc các loại đường nét, bông hoa cầu kỳ theo kiểu in mực ảnh hưởng của nước ngoài. Một tấm *tút*, một tấm *dồ* dệt thành phẩm tốn nhiều thời gian và công của nhưng ít được sử dụng mà biến thành hàng hoá bán cho khách đến buôn làng thăm quan du lịch. Chính đó, lễ phục cổ truyền không được sử dụng nhiều trong lễ hội. Thanh niên ăn mặc theo kiểu Âu – Tây, quần jean, áo thun. “*Bọn trẻ ngày nay bảo xấu hổ khi mặc khổ, múa hát công chiêng, không muốn nghe khi già nói lý – hát lý...bảo lạc hậu...*”². Như vậy, có thể thấy rằng một bộ phận lớp trẻ Cơ tu hiện nay đang dần quên đi nét đẹp truyền

² Theo ông Alăng Phát, dân tộc Cơ tu, già làng thôn Sơn, xã Sông Kôn, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Dẫn theo Alăng Ngược, Tạp chí Đất Quảng đd.

thông của mình mà chạy theo xu hướng hướng ngoại, văn hoá truyền thống đang đứng trước nguy cơ bị mai một dần.

Mặt khác, sự biến đổi từ các vị đầu làng, xưa kia các vị đứng đầu làng có vai trò rất lớn trong đời sống tinh thần của người dân kể cả các vị già làng các tộc người miền núi Quảng Nam. Nhưng nay đã có sự biến đổi, đối với các già làng miền Tây đất Quảng biến đổi cho phù hợp với cuộc sống đương đại, các già làng nói chung có xu hướng vận động không chỉ là chỗ dựa trong đời sống tinh thần của tộc người thông qua phong tục, tập quán, lễ hội mà còn là sợi dây liên kết tính cộng đồng để phát triển trên kinh tế, trên cơ sở tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa cuộc sống các thành viên trong cộng đồng tộc người phát triển hơn lên. Ngày nay, với sự phát triển của lực lượng sản xuất, bộ mặt kinh tế các xã vùng cao đất Quảng đã có sự thay đổi ngày càng phát triển hơn lên, theo đó các vị đứng đầu làng có khuynh hướng vận động theo sự phát triển chung của xã hội, do đó tập tục, lễ hội theo đó cũng biến đổi cho phù hợp với thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các vị đầu làng vừa coi trọng giá trị tập tục, lễ hội của tộc người mình đồng thời chủ động tiếp thu các giá trị văn hoá đương đại đang tác động mạnh mẽ vào làng bản và với mỗi gia đình, mỗi người. Chính đó, sự giao lưu hội nhập trong điều kiện hiện nay đã làm cho văn hoá truyền thống các tộc người miền tây đất Quảng có sự phong phú thêm, bổ sung các thành tố hiện đại vừa tiếp biến từ tập tục, lễ hội

cổ truyền đến với các thành tố đương truyền, làm phong phú nội hàm tập tục, lễ hội.

Đối với người miền xuôi, bộ áo dài khăn đóng chỉ dùng cho người già, người có tuổi, còn thanh niên mặc comple vecton, hoặc áo sơ mi quần Tây, Jean dự hội. Sự biến đổi trang phục phù hợp với thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá là không thể can thiệp được, bởi sự tiện ích, thích nghi, đơn giản, gọn nhẹ và phù hợp của y phục luôn là lựa chọn ưu tiên của mọi người, kể cả những người đứng tuổi. Và, còn bởi vì người Quảng luôn hướng đến sự lựa chọn các yếu tố văn minh, hiện đại như trước đây đã từng vận động duy tân trong đời sống nhân dân ³.

Một khía cạnh khác dễ nhìn thấy sự thay đổi các thành tố trong tập tục, lễ hội đương truyền, đây là các bài văn khấn, văn tế cúng thần đã được tinh gọn cho phù hợp. Trước kia, bài văn viết bằng chữ Hán, (rất ít bản văn được viết bằng ký tự Nôm) trên loại giấy dó mỏng, khổ nhỏ, chỉ những người biết chữ Hán mới có thể am hiểu được bản văn. Trong lúc hành lễ tế, bài văn dài, đọc lên rất ít người tham gia lễ hội đình làng, các lễ hội khác hiểu được nội dung. Trong dòng tộc tình hình cũng diễn ra như vậy, con cháu không hiểu được lịch sử cha ông mặc dầu vẫn kính cẩn nghiêng mình thán phục trong tiếng trống điểm chiêng rung. Tên các vị thần được nêu trong bài văn không phải ai nghe cũng hiểu được tất cả. Thì nay các bài văn tế đã pha

³ Xem: Nguyễn Vỹ, *Tuấn, chàng trai nước Việt-chúng tích thời đại đầu thế kỷ XX*. Nhà xuất bản Văn học, 2006.

trộn vừa Hán, vừa Nôm, vừa thuần Việt, đôi khi thuần Việt, ít dùng các điển tích xưa và có phần ngắn gọn hơn để khi hành lễ, những người tham gia, khách hâm mộ có thể nghe và cảm nhận được lịch sử làng, dòng họ, công trạng của các bậc tiền bối đã vì vùng đất thiêng liêng này mà phấn đấu hy sinh. Các bài văn truy điệu người quá cố nay được viết bằng Tiếng Việt, đọc lên ai cũng có thể hiểu được. Đây là điều thuận lợi và dễ hiểu. Bởi cuộc sống đương đại của người đất Quảng luôn hướng về phía trước, họ luôn vươn lên cách tân, thay đổi các thành tố cũ bằng các thành tố mới cho phù hợp thời kỳ phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, vùng miền. Mặt khác, qua các bài văn cúng tế, họ mong muốn phải thật sự hiểu được cha ông xưa thế nào mới có cơ hội đóng góp ít nhiều vào giữ gìn, phát huy và phát triển đời sống tinh thần của cộng đồng làng xã và dòng tộc tốt hơn.

Đối với các dân tộc miền núi lời khấn trong lúc hành lễ cúng giàng đã gọn hơn, lời khóc – hát kể trong lễ hội hiến sinh trâu, đâm trâu – ăn trâu đã không còn thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ các thành tố như trước đây nữa. Đây cũng là sự biến đổi. Các vị già làng các tộc người miền Tây đất Quảng thời đại ngày nay không chỉ là người duy trì đời sống tinh thần xưa, phát triển dòng tộc, mà còn vận động theo chiều hướng mới vừa thực hành luật tục của dân tộc mình, nhưng đồng thời là người nêu gương trong việc thực hành pháp luật. Hình thức điều chỉnh hành vi của cộng đồng tộc người trước đây dựa vào luật tục, thì nay luật pháp đã chi phối phần lớn các thành tố của luật tục theo hướng

tiếp cận với quan niệm hiện đại hơn, phù hợp với cộng đồng dân tộc.

Có thể nhìn nhận được rằng tập tục, lễ hội đất Quảng có sự giao lưu tiếp nhận và tiếp biến của văn hoá ngoại lai, trong đó có văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, văn hoá Chăm và văn hoá phương Tây. Đối với người Hoa tại Việt Nam nói chung và đất Quảng nói riêng thông qua quá trình Việt hoá của người Minh Hương, họ có đóng góp vào văn hoá Việt Nam.

Khương Công Phụ năm 1321, với bài phú “*Mây trắng rơi biển xanh*” được coi là tác phẩm mở đầu cho văn học Hán - Việt. Thời Trần có Hứa Tông Đạo với bài ký “*Chuông quán Thông thánh ở Bạch Hạc*”. Thế kỷ thứ XVII, XVIII có Mạc Thiên Tích với Hội Tao đàn “*Chiêu Anh các*”, các thành viên trong hội đã ảnh hưởng rất sâu sắc vốn tri thức văn hoá dân gian Việt Nam, những bài thơ bằng chữ Nôm của họ phần nhiều ca ngợi cảnh đẹp Hà Tiên. Thế kỷ thứ XIX, có ba nhà thơ người Minh Hương: Lê Quang Định với 10 cuốn “*Nhất thống dư địa chí*” khẳng định bản đồ đất nước Việt Nam. Ngô Nhâm Tĩnh cũng là một nhà thơ người Minh Hương đã để lại nhiều bài thơ sâu sắc về sinh hoạt tinh thần của người dân xứ Nghệ. Trịnh Hoài Đức là tác giả cuốn “*Gia Định thành thông chí*”, ông am hiểu rất sâu sắc xứ sở ông đến định cư với tinh thần của một người Việt Nam nói về một đất nước gắn bó với mình. Những người Minh Hương nổi tiếng trong sử sách Việt Nam còn có Lý Văn Phức là vị quan nổi tiếng thời Minh

Mệnh, Trần Tiên Thành là Phụ chánh đại thần triều Tự Đức, Phan Thanh Giản là vị Tiến sĩ đầu tiên dưới triều vua Minh Mệnh, chủ trì biên soạn bộ “*Việt sử thông giám cương mục*”. Thế kỷ thứ XX có nhà thơ Hồ Dzếnh, có hai tác phẩm thơ “*Quê ngoại*” và “*Chân trời cũ*”...tất cả họ đã hoà đồng vào nền văn hoá Việt Nam với đầy đủ ý nghĩa của nó nhưng cũng không gạt bỏ được tâm trạng thương nhớ cố hương.

Trên, là con đường tiếp biến, giao lưu, tiếp nhận văn hoá từ những người Minh Hương, ít nhiều đã để lại dấu ấn trong tập tục, lễ hội đất Quảng. Một con đường chuyên tải văn hoá khá quan trọng và phổ biến là con đường của các thương gia và thợ thủ công. Tại các tụ điểm thương mại được hình thành vào các thế kỷ XV – XVI – XVII – XVIII đã tạo điều kiện giao lưu và tiếp biến văn hoá vật chất và tinh thần ở Vạn Ninh (Móng Cái), Phố Hiến (Hưng Yên), Kinh Kỳ (Thăng Long), Thống Lĩnh (Lạng Sơn), Hội Triều (Thanh Hoá), Cần Hải (Nghệ An), Hội Thống (Hà Tĩnh)... thì ở đất Quảng có Hội An đã diễn ra một quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa sôi nổi trong cả lĩnh vực văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần. Ngoài những sản phẩm vật chất tràn ngập thị trường, người ta còn bắt gặp những đền thờ “*Thiên Hậu Thánh mẫu*”, “đền, miếu thờ *Quan Vân Trường* (Quan Công), chùa thờ *Trịnh Hoà* (chùa Ông Bôn)...Những chùa chiền và đền, miếu ấy đã trở thành những tụ điểm hàng năm tổ chức các loại lễ tục và lễ hội mang yếu tố tín ngưỡng không chỉ của người Hoa mà còn

là của người Việt nữa. Tục thờ Thần tài là sự tiếp biến của người Hoa sang người Việt, trong cuộc sống thường nhật, người đất Quảng cũng thờ vị thần này, nhiều hơn cả là các gia đình sống bằng nghề thương nghiệp, buôn bán nhỏ. Hoặc, sự tiếp biến được tiếp thu ngược lại trong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt đã ảnh hưởng sang người Hoa trong quá trình cộng cư. Sự hoà quyện đan xen giữa hai yếu tố Việt – Hoa diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, có thể nhìn nhận bằng hai con đường: con đường triều đình và Nho sĩ là con đường chuyên tải có chủ trương nhưng vấp phải sự phản kháng kịch liệt từ phía tiếp nhận. Ngược lại con đường dân gian đi từ di cư, cộng cư hội nhập diễn ra âm thầm dễ lan toả, mang tính tự nguyện, do đó chuyên tải đến, tiếp nhận và dần tiếp biến cho phù hợp với bản địa diễn ra êm thấm, nhẹ nhàng, đến mức khó phân biệt rạch ròi đâu là yếu tố Hoa đâu là yếu tố Việt⁴.

Các lễ hội tại đất Quảng diễn ra hằng năm như lễ hội Thánh Mẫu, các lễ tục diễn ra tại các chùa Ông Bồn, Quan Công... đã trở nên thuần Việt. Ngày nay trong xu thế hội nhập, Việt Nam vẫn là ngã ba đường trong giao lưu không chỉ văn hoá mà còn trong kinh tế nữa, chính đó không chỉ có giao lưu tiếp biến văn hoá phương Đông mà còn có cả phương Tây. Với xu thế đó người dân đất Quảng vừa giao lưu hội nhập nhưng đồng thời vừa phải giữ gìn, phát huy và phát triển vốn văn hoá của mình, gạn đục, khơi trong

⁴ Xem: TS Châu Thị Hải *Nhận biết về tiếp biến và hội nhập văn hoá Việt – Hoa*, Tạp chí Văn hoá bản địa, số 2/12/2005.

nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc nói chung và văn hoá đất Quảng nói riêng.

Văn hoá Phật giáo đã có ảnh hưởng đến tập tục – lễ hội đất Quảng thể hiện qua “từ, bi, hỷ, xả” chính là tứ vô lượng tâm của Phật, từ đó có sự chia sẻ cùng với các thành tố cổ truyền trong đời sống một bộ phận nhân dân đất Quảng theo đạo Phật nhằm duy trì cuộc sống cá nhân, gia đình, cộng đồng phù hợp với sự phát triển làng xã không chỉ trước đây mà ngay trong cuộc sống đương đại nữa. Trong lao động sản xuất, duy trì cuộc sống đảm bảo được sự cân bằng giữa các phong tục, tập quán lễ hội cổ truyền của dân tộc với các thành tố căn bản ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống thường ngày, có sự đan xen, hỗ trợ nhau. Tại đất Quảng, hằng năm có lễ hội Quán Thế Âm vào 18, 19, 20 tháng 2 âm lịch chính là sự thể hiện đạo Phật nhập thế và sự phát triển cộng đồng, là hình thức thực hành lời Phật dạy trong các hoạt động hằng ngày của cộng đồng những người theo đạo Phật, hướng theo chánh niệm và chánh định trong cuộc sống đương đại, suy cho cùng đây là lòng yêu thương con người là căn bản. Thông qua các ngày rằm, mong một các gia đình theo đạo Phật đi chùa dâng hương, cầu nguyện cho cuộc sống an lạc, hạnh phúc, tránh những khổ đau trong cuộc sống thường ngày. Ngày lễ Phật đản hằng năm vào rằm tháng Tư âm lịch, tín hữu nhà Phật có lễ kỷ niệm, tạo nên sinh hoạt tâm linh có tác động điều chỉnh mối quan hệ trong cuộc sống đối với tín hữu, từ mỗi người đến gia đình và cộng đồng mong có cuộc

sống tốt hơn thực hiện tứ vô lượng tâm của Phật. Ngày Vu Lan đã tạo ra lễ tục trong bộ phận những người theo đạo Phật, lên chùa dâng hương đánh lễ, tiếp nhận và thực hành triết lý đạo Phật, từ đó ảnh hưởng vào tập tục, lễ hội đất Quảng trước hết là những lời Phật dạy được thực hành trong cuộc sống thường ngày của mỗi nhà, mỗi người, yêu thương con người trong gia đình, dòng tộc và cộng đồng, quý trọng và hòa nhập vào đời sống tinh thần của cộng đồng người Quảng, hướng tới một xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tất cả những thay đổi trên trong tập tục, lễ hội đất Quảng là khách quan, mặc dầu lễ hội cổ truyền vẫn còn được duy trì theo đúng lệ hằng năm, vẫn còn hành lễ theo thứ tự bài thai quy định cùng với chình, cỗ nhạc. Những đổi thay trong các thành tố của tập tục, lễ hội nói lên rằng dấu sao về mặt tinh thần, tập tục, lễ hội đất Quảng đã có sự thay đổi lớn vừa có thành tố cổ truyền đồng thời có cả thành tố đương truyền đan xen nhau trong tập tục, lễ hội thời nay. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để vừa giữ gìn, phát huy và phát triển sáng tạo thêm những yếu tố phù hợp với cuộc sống đương đại để lễ hội đất Quảng không vì những thành tố cũ làm cho lễ hội đơn điệu và mai một ngay trong cuộc sống hiện thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chủ nhiệm đề tài Nguyễn Đức Tuấn, Biên soạn Nguyễn Xuân Hồng, *Phong tục – tập quán – lễ hội Quảng Nam*, Sở Văn hoá – Thông tin Quảng Nam, 2004.
2. Bh'riu Liéc, *Tiếng thông dụng C'tu – Kinh và văn hoá làng C'tu*, Sở Văn hoá – Thông tin Quảng Nam, 2006.
3. Sở Văn hoá – Thông tin Quảng Nam, *10 năm Tạp chí Văn hoá Quảng Nam*, 2007.
4. Chu Thái Sơn (chủ biên), Phạm Văn Lợi, *Người Co*, Nhà xuất bản Trẻ, 2004.
5. GS Vũ Ngọc Khánh (chủ biên), *Văn hoá dân gian người Việt*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2007
6. Vũ Ngọc Khánh, *Văn hoá gia đình người Việt*, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2007.
7. Huyện uỷ Nam Giang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Nam Giang*, Sở Văn hoá – Thông tin Quảng Nam, 2003.
8. Võ Văn Hoè, *Tập tục xứ Quảng- theo một vòng đời*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2006.
9. Võ Văn Hoè, *Tết xứ Quảng*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2005.
10. Võ Văn Hoè, Hồ Tấn Tuấn, Lưu Anh Rô, *Văn hoá xứ Quảng - một góc nhìn*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007.